

Bản án số: 134/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tiêu Hồng T, sinh năm 1990; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Tiêu Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh M chung sống năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh M không quan tâm lo lắng cho gia đình và con cái nên anh chị đã ly thân khoảng hơn 01 năm. Gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn, khuyên răn anh M thay đổi nhưng anh M vẫn không thay đổi. Nay chị xin ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11/10/2014. Hiện nay đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

Anh Nguyễn Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD như chị T trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, chị T không quan tâm gì đến anh nên anh mới buồn, đi nhậu, đi chơi và có tham gia đánh nhau 01 vài lần. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm. Anh không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD và đã được cấp giấy chứng đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Mặc dù anh chị trình bày không thống nhất nhưng xét thấy qua lời trình bày của anh chị thấy rằng hiện tại anh chị mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, lo lắng lẫn nhau, anh chị đã ly thân hơn một năm nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh M.

[3] Về con chung: Chị T và anh M đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N, xét thấy: Từ khi anh chị ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, hiện tại chị T là giáo viên có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi dạy cháu. Mặt khác, cháu N là con gái nếu giao cháu cho chị T nuôi dưỡng sẽ giúp cháu phát triển tốt về mọi mặt hơn so với anh M. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tiêu Hồng T, cho chị Tiêu Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11/10/2014 cho chị Tiêu Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tiêu Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010522 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Tiêu Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn ĐD, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng